

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2016**

Hà Nội, Tháng 4 Năm 2017

## MỤC LỤC

<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN.....</b>	<b>1</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát .....	3
2. Quá trình hình thành phát triển .....	4
3. Ngành nghề kinh doanh .....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	5
5. Định hướng phát triển .....	5
6. Các loại rủi ro .....	6
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....</b>	<b>8</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự .....	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	13
4. Tình hình tài chính.....	14
5. Cơ cấu cổ đông .....	15
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	18
<b>III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>19</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 .....	19
2. Tình hình tài chính.....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	22
4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới .....	22
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY .....</b>	<b>24</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty .....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty.....	25
3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị .....	26
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>27</b>
1. Hội đồng quản trị .....	27
2. Ban kiểm soát.....	28
3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty.....	29
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016 .....</b>	<b>30</b>
1. Ý kiến kiểm toán .....	30
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016.....	32

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được chính thức thành lập theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/12/2007; Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 303/UBCK – GP cấp ngày 24/2/2010 với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Lưu ký chứng khoán.

Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là các doanh nghiệp danh tiếng có tiềm lực tài chính lớn, gồm có: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông, Tổng Công ty Đức Giang, và một số cổ đông cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Ngoài ra, WSS còn nhận được sự quan tâm chiến lược từ nhiều tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

Giới thiệu về Công ty:

- **Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
- **Tên Tiếng Anh:** Wall Street Securities Company
- **Logo:**



- **Vốn điều lệ:** 503.000.000.000 VND (*Năm trăm lẻ ba tỷ đồng*)
- **Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016:** 531.972.992.751 VND (*Năm trăm ba mươi một tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi một đồng*)
- **Trụ sở chính:** Tầng 9, Toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại:** (84.4) 3824 8686/ 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082
- **Email:** [info@wss.com.vn](mailto:info@wss.com.vn)
- **Website:** <http://www.wss.com.vn>
- **Mã số thuế:** 0102590252
- **Mã cổ phiếu:** WSS
- **Thời gian hoạt động của Công ty:** Không giới hạn

## **2. Quá trình hình thành phát triển**

- Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall chính thức đi vào hoạt động từ ngày 20/12/2007 theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 30/1/2008, WSS trở thành thành viên giao dịch thứ 65 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 45/QĐ-TTGDHN.
- Ngày 29/2/2008, Tổng Giám đốc Trần Đắc Sinh đã ký Quyết định số 73/QĐ-SGDHCM chấp nhận WSS là thành viên giao dịch thứ 73 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Tháng 11/2009, WSS thực hiện chào bán 19,8 triệu cổ phiếu ra công chúng tang,tăng vốn Điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 366 tỷ đồng.
- Ngày 15/12/2009, WSS chính thức niêm yết 16,8 triệu cổ phiếu trên SGDCK Hà Nội.
- Ngày 1/6/2010, Chi nhánh Sài Gòn của Chứng khoán Phố Wall chính thức khai trương tại địa chỉ số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM.
- Ngày 09/7/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS) ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Chứng khoán Alba-ace (Nhật Bản).
- Ngày 8/8/2010, Chứng khoán Phố Wall khai trương Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm tại địa chỉ 46 Ngô Quyền, Hà Nội.
- Ngày 25/01/2011, WSS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh-Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC- UBCKNN với số vốn điều lệ là 503.000.000.000 đồng.

## **3. Ngành nghề kinh doanh**

### **3.1. Ngành nghề kinh doanh**

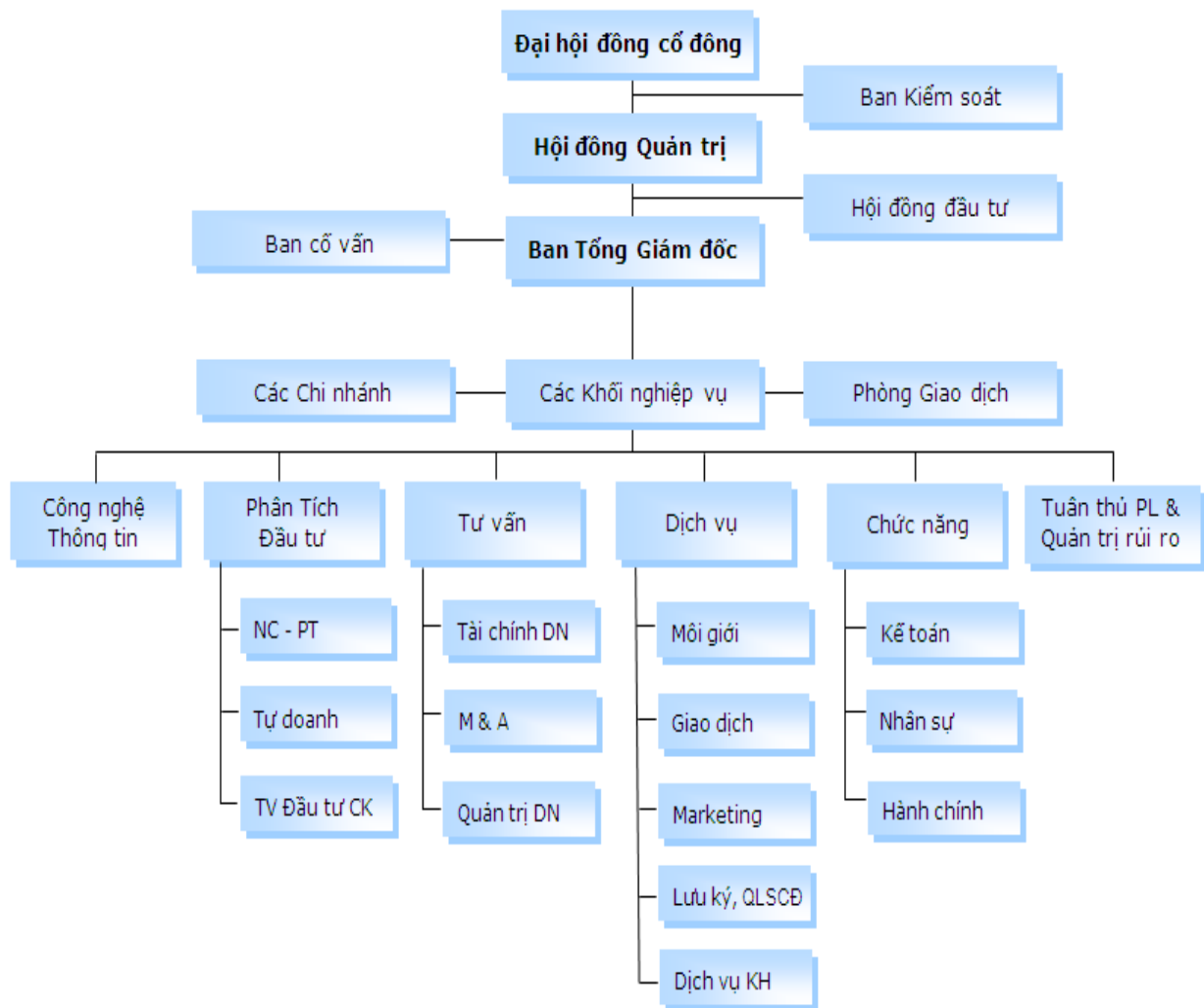
- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Nghiên cứu – phân tích
- Tư vấn thu tóm và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính
- Bảo lãnh phát hành

### 3.2. Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải khắp cả nước tuy nhiên hiện nay chủ yếu công ty tập trung hoạt động mạnh tại Hà Nội.

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 4.1. Sơ đồ tổ chức mô hình quản trị, bộ máy quản lý công ty



### 4.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng thị trường chứng khoán, quan hệ hợp tác hiệu quả, bền vững và minh bạch; làm cầu nối giữa các nhà đầu tư trong, ngoài nước, các định chế tài chính và các doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, cán bộ nhân viên và cổ đông của Công ty;
- Xây dựng và gìn giữ uy tín của công ty bằng sự chuyên nghiệp, chính trực và cẩn trọng

trong từng hành động;

- Chăm lo, bồi dưỡng nâng cao năng lực các thành viên Công ty nhằm xây dựng tập thể trình độ chuyên nghiệp cao, đoàn kết và có tinh thần đồng đội.

### **5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Thu hút và xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, giàu kinh nghiệm;
- Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển của công ty chứng khoán thành công trên thế giới để trở thành công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam;
- Phát triển mạng lưới chi nhánh, đại lý trong toàn quốc, xây dựng văn phòng đại diện tại một số nước trong khu vực và trên thế giới;
- Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Phát triển thêm những sản phẩm, dịch vụ mới nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng;
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, sáp nhập và mua bán doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, hướng tới trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng cho các hoạt động của Công ty.

### **5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững**

- Công ty luôn coi các vấn đề về Con người, Môi trường và Xã hội là nền tảng để phát triển bền vững.
- Công ty luôn sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, nâng cao tính công khai – minh bạch của thị trường chứng khoán
- Công ty xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiêu dùng sản phẩm với mục tiêu Bảo vệ Môi trường, biến bảo vệ môi trường thành một thói quen, một lối sống trong Công ty bằng những chính sách về: Tiết kiệm năng lượng điện, Sử dụng giấy tiết kiệm, Phân loại rác vô cơ và hữu cơ, chiến dịch xanh hóa văn phòng công sở.
- Công ty luôn đề cao tinh thần về cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Hàng năm, CBCNV Công ty đều tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt là các đồng bào vùng cao, dân tộc thiểu số.

## **6. Các loại rủi ro**

### **6.1. Biến động về tăng trưởng kinh tế**

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng

trường và phát triển của trường chứng khoán, ngược lại khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường. Hoạt động của các công ty chứng khoán trong một chừng mực nào đó sẽ bị ảnh hưởng.

## **6.2. Lạm phát**

Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

## **6.3. Rủi ro lãi suất**

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Đối với các Công ty chứng khoán tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

## **6.4. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của toàn bộ thị trường chứng khoán cũng như hoạt động riêng của WSS.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2016

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Doanh thu	54.165.600.000	38.862.619.009	71,75%
Chi phí	36.980.300.000	33.908.801.193	91,69%
Lợi nhuận trước thuế	17.185.300.000	4.953.817.816	28,83%
Lợi nhuận sau thuế	17.185.300.000	4.953.817.816	28,83%
Cổ tức (%)	-	-	-
EPS	342	98	28,65%

#### 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: 1.000.000 VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2016	Tỷ lệ thực hiện 2016	
	2015	2016		So với Kế hoạch	So với 2015
Doanh thu	40.616	38.863	54.166	71,75%	95,68%
Chi phí	33.619	33.909	36.980	91,69%	100,86%
Lợi nhuận trước thuế	6.978	4.954	17.185	28,83%	70,99%
Cổ tức (%)	-	-	-	-	-
EPS (VNĐ/1 CP)	139	98	342	28,65%	70,50%

Năm 2016 là một năm đánh dấu nhiều biến động đối với Thị trường Chứng khoán Thế giới nói chung và TTCK trong nước nói riêng, trong bối cảnh đó WSS đã rất nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh để hoàn thành kế hoạch. Tuy nhiên, trước những diễn biến khó lường của nền kinh tế, mặc dù đã dùng mọi biện pháp để đẩy mạnh doanh thu cũng như cắt giảm chi phí hoạt động một cách tối đa, tuy nhiên WSS vẫn không hoàn thành được kế hoạch như đã đề ra.

Với chiến lược kinh doanh trên, Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán đạt 38,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt gần 5 tỷ đồng. Đây là một con số đáng khích lệ đặt trong tình hình kinh tế không mấy tích cực trong năm qua.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc theo các lĩnh vực do Tổng Giám đốc phân công.

Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty không có sự thay đổi vẫn là 01 Tổng giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

Thông tin sơ lược về Ban Tổng Giám đốc Công ty:

#### 2.1.1 Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên</b>	<b>: PHẠM ĐIỂM HOA</b>
Ngày sinh	: 01/10/1976
Giới tính	: Nữ
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 011768946, ngày cấp: 25/06/2008, nơi cấp: Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 40 Ấu Triệu, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 40 Ấu Triệu, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	: Từ năm 2000 - 2001: Công tác tại Phòng thương mại và Công nghiệp Việt nam; Từ năm 2001 - 2005: Công tác tại Công ty Chứng khoán Melbourne, Úc; Từ năm 2006 - 2007: Công tác tại Công ty TNHH Du lịch – Thương mại Mỹ Việt;

	Từ tháng 12/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 2.920.000 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Cổ phần phổ thông	: 2.920.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: 11.300.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

### 2.1.2 Phó Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên</b>	<b>: NGUYỄN VIỆT THẮNG</b>
Ngày sinh	: 19/9/1984
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 012222383, ngày cấp: 19/04/1999, nơi cấp: Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 302 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 20A Lô 3 Đền Lừ II, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	Từ tháng 5/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Cổ phần phổ thông	: 0 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

## 2.2. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty

### *Cơ cấu lao động của Công ty năm 2016*

<b>Trình độ học vấn</b>	<b>Tổng cộng</b>
- Trên đại học	6
- Đại học	29
- Cao đẳng, trung cấp, PTTH	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>44</b>

Sang năm 2016, Công ty có kế hoạch duy trì quy mô và cơ cấu nhân sự như hiện nay, trong trường hợp cần thiết, có thể chỉ bổ sung số lượng không lớn.

### **Chính sách lao động của Công ty:**

#### **Thời gian làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc đột xuất cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của các nhân viên trong Công ty.

#### **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết**

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng Quy định của Luật Lao động, CBCNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty

nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

### **Điều kiện làm việc**

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc của từng bộ phận trong Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ công nhân viên trong thời gian sớm nhất.

### **Chính sách thu hút nhân tài**

WSS dành chính sách lương, thưởng và nhiều chế độ đãi ngộ cho các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhằm tạo sự khuyến khích tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc. Mặt khác, đây cũng là cách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc tại Công ty.

### **Đào tạo nâng cao trình độ**

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

### **Chính sách thưởng**

Quy định khen thưởng áp dụng đối với toàn thể nhân viên có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh thực hiện Quy định làm việc này. Cụ thể như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty;
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo Quy chế tiền lương, thưởng của mỗi Công ty trong Tập đoàn);
- Được tham gia các khoá đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu của công việc;
- Được hưởng chế độ đãi ngộ khác như: tham gia mua cổ phiếu của Công ty và Tập đoàn theo giá ưu đãi, đi tham quan nghỉ mát (trong nước và nước ngoài) căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty và Tập đoàn. v.v...

### **Chính sách lương**

Chính sách lương của WSS đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực, trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, nhân viên còn được hưởng lương, thưởng công việc theo năng suất và hiệu quả công việc.

### **Bảo hiểm và phúc lợi**

WSS thực hiện việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo đúng Quy định của pháp

luật. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, hàng năm công ty tổ chức cho toàn bộ nhân viên đi nghỉ mát tại một số khu du lịch cao cấp trong nước. Chính các hoạt động này đã góp phần gắn kết và tăng cường tính tập thể và xây dựng nên một tập thể nhân viên vững mạnh.

### **Tuân thủ nội quy và quy chế làm việc**

Tất cả các cá nhân trong Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ mọi Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, của pháp luật về lao động được Bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

## **3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

### **3.1. Đầu tư và dự án**

Các khoản đầu tư dài hạn của WSS trong năm 2016 cơ bản vẫn được duy trì do thị trường chưa thuận lợi. Các khoản đầu tư lâu dài đảm bảo tuân thủ chặt chẽ yêu cầu: an toàn, hiệu quả.

#### **Đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Đức Giang**

Công ty đã đầu tư tài chính dài hạn 25.569.800.000 đồng vào Tổng công ty Đức Giang. Tổng Công ty Đức Giang có vốn điều lệ: 61.811.600.000 đồng, vốn chủ sở hữu: 143.005.889.877 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall**

Công ty đã đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall số tiền là 14.000.000.000 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và Sân golf Đàm Vạc**

Công ty đầu tư tổng số tiền 9.210.508.432 đồng vào Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và sân golf Đàm vạc, đơn vị đang sở hữu Sân golf Đàm Vạc và bất động sản liền kề. Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và sân golf Đàm Vạc hiện nay là 391 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã dần dần ổn định, doanh thu thường xuyên cơ bản đủ bù đắp chi phí.

#### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Điện máy**

Công ty đầu tư 3.000.000.000 đồng vào Công ty cổ phần Điện máy. CTCP Điện máy sau khi thực hiện cổ phần hoá có mức vốn điều lệ là 86.900.000.000 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Công ty đã đầu tư 15.000.000.000 đồng vào Công ty cổ phần Thực phẩm Hà Nội. CTCP Thực phẩm Hà Nội hiện có vốn điều lệ là 145 tỷ đồng.

**Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Công ty đã đầu tư 25.000.000.000 đồng vào Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

**3.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có**

**4. Tình hình tài chính**

**4.1. Tình hình tài chính**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	531.358.778.373	535.980.916.724	0,87%
Doanh thu thuần	40.351.287.499	38.166.069.876	(5,42%)
Lợi nhuận từ hoạt HĐKD	6.997.652.358	4.650.411.334	(33,54%)
Lợi nhuận khác	(19.919.796)	303.406.482	(1.623,14%)
Lợi nhuận trước thuế	6.977.732.562	4.953.817.816	(29,01%)
Lợi nhuận sau thuế	6.977.732.562	4.953.817.816	(29,01%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

**4.2. Các chỉ tiêu về tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	107,17	114,91
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]		107,17	114,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,82	0,75
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,82	3,4
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	lần	-	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	7,57	7,15
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,77	17,18
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	17,29	12,98
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,31	0,92
+ Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	17,34	12,18
+ Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	VNĐ/cp	139	98

## 5. Cơ cấu cổ đông

### 5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 50.300.000 cổ phần (năm mươi triệu lẻ ba trăm nghìn)

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 50.300.000 cổ phần (năm mươi triệu lẻ ba trăm nghìn)

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không có

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

#### 5.2.1 Cơ cấu vốn của Công ty tính đến ngày 07/04/2017

STT	Cổ đông	Số cổ phần	VĐL hiện tại (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông phổ Thông	50.300.000	503.000.000.000	100,00%
2	Cổ đông trong nước và nước ngoài	50.300.000	503.000.000.000	100,00%
2.1	Cổ đông trong nước	48.675.700	486.757.000.000	96,77%
2.2	Cổ đông nước ngoài	1.624.300	16.243.000.000	3,34%
3	Cổ đông là tổ chức và cá nhân	50.300.000	503.000.000.000	100,00%
3.1	Cổ đông là tổ chức	3.207.200	32.072.000.000	6,38%
3.2	Cổ đông cá nhân	47.092.800	470.928.000.000	93,62%
4	Cơ cấu vốn	50.300.000	503.000.000.000	100,00%
4.1	Cổ đông lớn (trên 5%)	14.220.000	142.200.000.000	28,27%
4.2	Cổ đông nắm giữ từ 1% -5%	25.970.456	295.704.560.000	51,63%
4.3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	10.109.544	101.095.440.000	20,10%

#### 5.2.2. Thông tin về cổ đông nước ngoài tính đến 07/04/2017

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	ASEAN DEEP VALUE FUND	Osiris International Cayman Limited, Suite #4-210, Governors Square, 23 Lime Tree Bay Avenue, PO Box 32311, Grand Cayman KY1-1209, Cayman Islands	566.800	5.668.000.000	1,13%
2	EUN JA KANG	896 Apoche Road, Franklin Lakes, NJ.07417 U.S.A	330.000	3.300.000.000	0,66%
3	Chung Jae Kang	103-602, Kangbyeonwooseung			0,45%

		APT, 546-7 Guui-dong, Gwangjin - gu, Seoul, Korea	226.000	2.260.000.000	
4	Park Byung Woon	101-1601 Dream Riververvill, 30/3 Dangsandong, 378 Young Dzung poku, Seoul, Korea	200.000	2.000.000.000	0,40%
5	Jardipal S.A.	3A, Boulevard Du Prince Henri L- 1724, Lexembourg	200.000	2.000.000.000	0,40%
6	Kwon Oh Hoon	203-1401, Gireum New Town, Gireumdong, Seoungbukgu, Seoul, Korea	40.000	400.000.000	0,08%
7	Takenhiko Ikenaga	YOSHIHAMA-CHO,1-2-1514 NAKA-KU, YOKOHAMA, KANAGAWA PREF. JP	17.500	175.000.000	0,03%
8	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	15.300	153.000.000	0,03%
9	Ma InGeuk	103 dong-1503ho, JerimNewTown, Gyohang-ri, Okpo-myeon, Dalseong-gun, Daegu, Kor	14.000	140.000.000	0,03%
10	Liu Kuo Chih	No.49, Cyudong Village, Touwu Township, Miaoli County 362, Taiwan	10.000	100.000.000	0,02%
11	WU, PING - HSIU	NO 230, HENAN RD., LINGYA DIST., KAOHSIUNG CITY 802., TAIWAN - R.O.C	3.000	30.000.000	0,01%
12	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	1.000	10.000.000	0,00%
13	KOIKE KAZUMASA	Lot LD4 Thach That-Quoc Oai Industrial zone, Phung Xa Commune, Thach That Dist, Ha Noi, Viet Nam	500	5.000.000	0,00%
14	KISHIMOTO KAZUO	222 Sakanao, Sakaemachi, Inba- gun, Chiba 270-1513, Japan	100	1.000.000	0,00%
15	Kishimoto Yoko	222 Sakanao, Sakaemachi, Inba- gun, Chiba 270-1513, Japan	100	1.000.000	0,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.624.300</b>	<b>16.243.000.000</b>	<b>3,23%</b>



### 5.2.3. Thông tin về cổ đông tổ chức tính đến 07/04/2017

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM	Số 23, Ngõ 262B Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Viet Nam	79.000	790.000.000	0,16%
2	Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình	356 Phố Huế - Hai Bà Trưng - Hà Nội	900.000	9.000.000.000	1,79%
3	Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp I Việt Nam	số 46 , phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.445.900	14.459.000.000	2,87%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	1, tầng 10, tầng 11 Tháp BIDV – 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	50	500.000	0,00%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà Việt Dragon, số 141 Nguyễn Du, quận 1, Tp. HCM	50	500.000	0,00%
6	Công ty cổ phần Tài Việt	28/47 Lê Thị Hồng, P17, Q. Gò Vấp, TPHCM	100	1.000.000	0,00%
7	ASEAN DEEP VALUE FUND	Osiris International Cayman Limited, Suite #4-210, Governors Square, 23 Lime Tree Bay Avenue, PO Box 32311, Grand Cayman KY1-1209, Cayman Islands	566.800	5.668.000.000	1,13%
8	Jardipal S.A.	3A, Boulevard Du Prince Henri L-1724, Luxembourg	200.000	2.000.000.000	0,40%
9	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	15.300	153.000.000	0,03%
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.207.200</b>	<b>32.072.000.000</b>	<b>6,38%</b>

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

## 6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### 6.1. Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có.**

### 6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình của người lao động trong Công ty năm 2016

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Số lượng người lao động	Người	44
2	Mức lương trung bình	Đồng/người/tháng	10.000.000

#### b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn và kiến thức xã hội, nơi họ đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ và được hưởng chế độ đãi ngộ tương xứng cho những giá trị họ mang lại;
- Công ty luôn xác định công tác phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực mà còn giúp mỗi cán bộ nhân viên thấm nhuần văn hóa Công ty, tăng cường sự gắn bó giữa Công ty và người lao động;
- Công ty đã từng bước cải thiện các chính sách lương thưởng cạnh tranh và các chính sách phúc lợi cho nhân viên, nhằm khuyến khích động viên và đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Công ty luôn chú trọng duy trì và phát triển tới mức tối đa tình trạng thể chất và tinh thần của người lao động thông qua đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.

#### c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Trong năm 2016, Công ty đã phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chất lượng người lao động, và tự tổ chức các khóa đào tạo nội bộ cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, quy chế quy định về tổ chức hoạt động của Công ty.
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm của Công ty: 50h/nhân viên/năm.

### **6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được Công ty đề cao. Hằng năm, CBCNV Công ty đều rất tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện. Năm 2016 là năm mà hàng loạt các chương trình hỗ trợ, tình nguyện của Công ty được thực hiện, CBCNV Công ty sẵn sàng vượt chặng đường hàng trăm cây số để chia sẻ lòng yêu thương đến tận vùng rừng núi xa xôi. Từ những chuyến đi chia sẻ tấm lòng từ thiện đến bà con dân tộc thiểu số các tỉnh Hòa Bình, Sơn La hay địa đầu tổ quốc Lũng Cú - Hà Giang, đến những gói quà nhỏ ủng hộ đồng bào miền trung trong các đợt thiên tai, lũ lụt; CBCNV WSS luôn tràn đầy nhiệt huyết và tấm lòng từ thiện để giúp đồng bào vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

### **6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

- Trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Việt – Đức “Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng xanh”, ngày 28/10/2015, UBCKNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức tổ chức Hội nghị chuyên đề “Khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh”.
- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán, WSS nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển của một tổ chức tài chính nói riêng và Việt Nam nói chung. WSS sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

## **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016**

#### **❖ Hoạt động môi giới**

Hoạt động kinh doanh môi giới phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường chứng khoán trong và ngoài nước. Mặc dù thị trường chứng khoán phải trải qua nhiều biến cố thăng trầm, khó khăn, khối môi giới cũng đã hết sức cố gắng với mục tiêu củng cố lại đội ngũ môi giới, xây dựng lại chính sách kinh doanh, thay đổi phương thức hoạt động và tích cực tìm kiếm những nhóm khách hàng có giao dịch thường xuyên, những môi giới từ các công ty chứng khoán khác về WSS làm việc.

#### **❖ Hoạt động tư vấn**

Trong năm 2016, doanh thu hoạt động tư vấn đạt 2,3 tỷ đồng. Tiếp nối những thành công đã đạt được trong những năm vừa qua, trong năm 2016, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp vẫn luôn là lĩnh vực mang tính chiến lược trong đường hướng phát triển của WSS. Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn với khách hàng lâu dài như SCIC, VNPT, Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.... WSS ký kết thêm được nhiều được nhiều hợp đồng với

giá trị hợp đồng lớn cụ thể như các hợp đồng với Tổng Công ty Đường cao tốc Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục, Tổng Công ty Viglacera, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam ... và một số Doanh nghiệp thuộc Bộ ngành khác như Bộ Quốc phòng, UBND thành phố Hà Nội. Chất lượng dịch vụ trong mảng tư vấn luôn được khách hàng đánh giá cao, cung cấp được các giải pháp tư vấn linh hoạt và hiệu quả cho doanh nghiệp.

#### ❖ Hoạt động đầu tư dài hạn

Công ty hiện đang có một khoản đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall số tiền là 14.000.000.000 đồng chiếm 14% vốn điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall. Khoản đầu tư dài hạn của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ tiêu chí: thận trọng và hiệu quả.

#### ❖ Chi phí

Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán là chi phí đầu tư, góp vốn. Kế tiếp là chi phí trả hoa hồng cho các môi giới chứng khoán, còn lại các khoản chi phí có liên quan tới các quản lý doanh nghiệp, nói chung các khoản chi phí của Công ty năm 2016 đều được cắt giảm tối đa, duy trì ở mức hợp lý.

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015,2016

CHỈ TIÊU	Kết quả thực hiện năm 2015	Kết quả thực hiện năm 2016	Tăng trưởng 2015/2016
<b>I. Tổng doanh thu</b>	<b>40.976.239.565</b>	<b>38.862.619.009</b>	<b>(5,16)</b>
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	40.616.239.565	38.522.604.009	(5,15)
1.1. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	7.594.328.044	4.442.574.780	(41,50)
1.2. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.391.261.450	8.380.975.266	(41,76)
1.3. Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	4.858.640.765	2.582.452.461	(46,85)
1.4. Doanh thu khác	13.772.009.306	23.116.601.502	(67,85)
2. Thu nhập khác	360.000.000	340.015.000	(5,55)
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>33.998.507.003</b>	<b>33.908.801.193</b>	<b>(0,26)</b>
1. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	23.627.331.150	26.116.342.554	10,53
2. Chi phí quản lý công ty chứng khoán	9.991.256.057	7.755.850.121	(22,37)
3. Chi phí khác	379.919.796	36.608.518	(90,36)
<b>III. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.977.732.562</b>	<b>4.953.817.816</b>	<b>(29,01)</b>

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>531.358.778.373</b>	<b>535.980.916.724</b>	<b>0,87%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>455.424.636.995</b>	<b>460.568.857.808</b>	<b>1,13%</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>443.361.759.296</b>	<b>448.661.050.051</b>	<b>1,20%</b>
Tiền và tương đương tiền	43.866.887.805	67.335.932.739	53,50%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	83.185.745.490	11.582.310.058	-86,08%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	190.500.000.000	274.000.000.000	43,83%
Các khoản cho vay	42.984.984.569	14.185.002.807	-67,00%
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	88.780.308.432	77.780.308.432	-12,39%
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(7.018.826.015)	(5.600.748)	-99,92%
Các khoản phải thu	786.682.388	3.522.099.459	347,72%
Trả trước cho người bán	386.997	66.901.538	17187,35%
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	264.094.762	231.752.982	-12,25%
Các khoản phải thu khác	61.494.868	22.342.784	-63,67%
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(50.000.000)	(60.000.000)	20,00%
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>12.062.877.699</b>	<b>11.907.807.757</b>	<b>-1,29%</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>75.934.141.378</b>	<b>75.412.058.916</b>	<b>-0,69%</b>
<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>57.987.844.407</b>	<b>58.000.000.000</b>	<b>0,02%</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>1.425.444.034</b>	<b>981.860.073</b>	<b>-31,12%</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>16.520.852.937</b>	<b>16.430.198.843</b>	<b>-0,55%</b>

## 2.2 Tình hình công nợ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<b>Nợ phải trả</b>	<b>4.339.603.438</b>	<b>4.007.923.973</b>	-7,64%
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>4.249.603.438</b>	<b>4.007.923.973</b>	-5,69%
Phải trả người bán	511.991.556	636.727.299	24,36%
Người mua trả tiền trước	1.119.545.454	781.818.181	-30,17%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	625.155.103	272.756.981	-56,37%
Phải trả người lao động	91.338.127	501.155.094	448,68%
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	550.000	16.241.049	2.852,92%
Chi phí phải trả ngắn hạn	300.432.306	245.300.084	-18,35%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.148.859.358	1.102.193.751	-4,06%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	451.731.534	451.731.534	0,00%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>90.000.000</b>	-	-100%
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	-	-100%

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty chủ trương tiếp tục duy trì bộ máy nhân sự gọn nhẹ và áp dụng cơ chế linh hoạt, tuyển dụng khi cần thiết, chủ yếu ưu tiên phục vụ phát triển kinh doanh. Số nhân sự hưởng lương cố định toàn Công ty khoảng 45 người, số nhân sự hưởng lương theo doanh số (môi giới) sẽ không giới hạn số lượng.

### 4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

Tiếp tục phát huy vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam 2017 mở ra nhiều cơ hội cho nhà đầu tư với trụ đỡ vững chắc đó là kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng bền vững, đổi mới mạnh mẽ hơn về kinh tế và nhiều chính sách ưu đãi sẽ thu hút dòng tiền trong thời gian tới. Với một loạt giải pháp, quyết tâm của Chính phủ, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ có mức phục hồi cao hơn trong năm 2016; lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý; tín dụng tăng trưởng tốt... Cùng với các giải pháp quyết liệt về CPH và gắn CPH với lên sàn, nhiều DNNN có quy mô lớn sẽ có mặt, qua đó quy mô TTCK sẽ tăng trưởng mạnh, với nhiều hàng hóa chất lượng cao hơn, từ đó thu hút tốt hơn dòng tiền trong, ngoài nước.

Với hàng loạt quyết tâm của Chính phủ cũng như Bộ Tài chính, năm 2017 được nhiều chuyên gia lạc quan cho rằng thị trường sẽ tăng trưởng, và được dự báo sẽ “bùng nổ” nguồn hàng mới. Các chuyên gia phân tích tại Việt Nam đã nhận định, chỉ số chứng khoán năm nay sẽ

tăng lên mức cao nhất trong 10 năm qua. Nền kinh tế được củng cố, hoạt động thoái vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và sự tăng trưởng của các doanh nghiệp niêm yết đang là yếu tố thu hút các nhà đầu tư tới Việt Nam - một trong những thị trường nóng nhất của châu Á. Cùng với đó, những chính sách mới được thực thi sẽ tăng cường bảo vệ nhà đầu tư, siết chặt kỷ luật của DN, bảo đảm thị trường phát triển lành mạnh và ổn định.

Nhận biết được những cơ hội và tiềm năng của thị trường chứng khoán trong năm 2017, WSS tập trung đẩy mạnh và nâng cao chất lượng dịch vụ của từng mảng hoạt động, mở rộng mạng lưới khách hàng để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

### **Hoạt động Môi giới**

Hoạt động Môi giới tập trung nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phát triển về quy mô. Mục tiêu hoạt động của môi giới là mang đến dịch vụ, tiện ích tốt nhất cho khách hàng, tăng doanh thu cho Công ty. Kết hợp với ngân hàng, tổ chức tài chính cung cấp cho khách hàng các sản phẩm margin, triển khai hội thảo cơ hội đầu tư cho khách hàng, giới thiệu về sản phẩm chứng khoán phái sinh. Xây dựng sản phẩm về dịch vụ tư vấn và phân tích để hỗ trợ môi giới trong việc chăm sóc khách hàng.

### **Hoạt động tư vấn tài chính**

Tư vấn tài chính được xác định là một trong những mảng dịch vụ quan trọng nhất trong định hướng phát triển kinh doanh của WSS. Trong năm 2017, ngoài việc tiếp tục ký kết hợp đồng tư vấn với các khách hàng quen thuộc trên địa bàn TP, Hà Nội, Ban lãnh đạo công ty còn đẩy mạnh việc xúc tiến và hợp tác với các doanh nghiệp, các Bộ ban ngành ở khắp các tỉnh thành trong cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Phú Yên, Vĩnh Phú..... để tìm kiếm hợp đồng. Năm 2017 cũng là năm trọng tâm trong việc triển khai kế hoạch hoàn thiện cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Các Bộ, ban ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước tiếp tục đẩy nhanh việc sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo Phương án, đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Chính vì thế, năm 2017 dự kiến sẽ làm gia tăng hoạt động trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của các công ty chứng khoán.

### **Hoạt động đầu tư, tự doanh**

Trước tình hình thực tế thị trường đang sôi động và có nhiều tích cực và các cơ hội tăng giá cổ phiếu trong năm 2017 là rất tiềm năng. Thị trường Việt Nam đang dần hồi phục và trở về ổn định so với các thị trường chứng khoán trong khu vực. Chiến lược hiện tại của Khối tự doanh là bám sát thị trường, bên cạnh việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư dài hạn thì Công ty cần đề xuất cơ

hội đầu tư ngắn hạn khi xuất hiện cơ hội. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư luôn phải đảm bảo tính thận trọng và an toàn.

### **Hoạt động đầu tư**

Các khoản đầu tư mà WSS còn nắm giữ đều ở trên giá vốn và đã mang lại hiệu quả. Trong năm 2017, chiến lược đầu tư của công ty hướng đến các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa. Dựa trên các phân tích đánh giá về thị trường, về bản thân doanh nghiệp, WSS sẽ có thể tham gia với tư cách là các cổ đông lớn, nắm quyền chi phối. Bởi trong số các doanh nghiệp phải tiến hành cổ phần hóa theo kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, có nhiều doanh nghiệp có lợi thế trong thương mại như ngành nghề độc quyền, có giá trị tài sản lớn nhưng lại làm ăn không hiệu quả. Đây sẽ là cơ hội để WSS đầu tư vào nhằm tái cấu trúc lại doanh nghiệp, gia tăng doanh thu, lợi nhuận; mang lại cơ hội sinh lời với tỷ suất cao từ hoạt động đầu tư dài hạn.

### **Kế hoạch tài chính**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Kế hoạch năm 2017</b>
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>31.239.147.480</b>
- Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	7.140.000.000
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	20.000.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2.800.000.000
- Doanh thu khác	1.299.147.480
<b>2. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>6.888.161.519</b>
<b>3. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>17.900.000.000</b>
<b>4. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>6.450.985.961</b>

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty**

Năm 2016 đánh dấu 20 năm thị trường chứng khoán Việt Nam hình thành và phát triển. Sau 20 năm, Việt Nam đã xây dựng được một thị trường chứng khoán vận hành suôn sẻ với trên 1.000 doanh nghiệp đại chúng đưa cổ phiếu vào giao dịch tập trung, quy mô vốn hóa cổ phiếu niêm yết trên 70 tỷ USD, thu hút 1,6 triệu nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đã có những lạc quan, kỳ vọng nhưng cũng không thiếu những cú sốc bào mòn niềm tin nhà đầu tư. Đây là thời



điểm thị trường chuẩn bị những hành trang cần thiết để nâng hạng, 2016 thực sự là một năm đáng nhớ của chứng khoán Việt.

TTCK Việt Nam năm 2016 chứng kiến những cú sốc bất ngờ từ bên ngoài có tác động mạnh mẽ chưa từng thấy. Đó là các sự kiện rất ít nhà đầu tư nghĩ tới khả năng xảy ra như sự kiện TTCK Trung Quốc ngắt giao dịch ngày 1/4, sự kiện Anh rời khỏi EU (Brexit) ngày 24/6, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 9/11. Hầu hết các sự kiện này đều tác động mạnh mẽ đến TTCK Việt Nam và dẫn đến hoạt động bán tháo, dù chỉ là những biến động từ bên ngoài. Ngày 24/6, Vn-Index có lúc sụt giảm 5,47%, ngày 9/11 giảm sâu nhất 3%, tuy nhiên do nền tảng của thị trường vẫn tốt nên phục hồi ngay sau đó.

Ngày 1.11.2016, Thông tư số 115/2016/TT-BTC chính thức có hiệu lực. Theo đó, chỉ sau khoảng 20 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần qua đấu giá, nhà đầu tư mua cổ phần qua đấu giá đã có thể giao dịch cổ phần trên thị trường UPCoM thay vì phải chờ 90 ngày như trước đây. Cùng với việc cải tiến về thủ tục hành chính giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian lên sàn chứng khoán, các chế tài cưỡng chế đối với việc chây ì lên sàn chứng khoán hậu IPO đã được sửa đổi theo hướng nghiêm khắc hơn khiến thị trường giao dịch chứng khoán trở nên sôi động. Tính đến nay, sau 7 năm hoạt động, UPCoM có 413 doanh nghiệp đăng ký giao dịch, vượt cả HOSE và HNX. Với đà tăng trưởng như hiện nay, dự báo giá trị vốn hóa của thị trường UPCoM có thể lên gần 13 tỷ USD, gấp đôi so với thị trường niêm yết của HNX.

Ngày 12/12, SCIC chào bán thành công 5,4% cổ phần tại Vinamilk với giá trị thu về khoảng 500 triệu USD được xem là tiêu biểu của năm 2016, với giá trị giao dịch lớn nhất Đông Nam Á trong năm. Việc thành công trong bán vốn tại Vinamilk lần này chính thức “mở hàng” cho một loạt các hoạt động thoái hết vốn tại 10 doanh nghiệp lớn mà SCIC đang nắm giữ, đồng thời khai mở một con đường cho quá trình bán vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp lớn và có mức ảnh hưởng nhất định tới thị trường trong năm 2017

Năm 2016 cũng là năm bắt đầu triển khai kế hoạch hoàn thiện cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Các Bộ, ban ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước đẩy nhanh việc sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo Phương án, đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm gia tăng hoạt động trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của các công ty chứng khoán.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường, để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ điều lệ của WSS, HĐQT thực hiện giám

sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, hàng tháng họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

Định kỳ, HĐQT yêu cầu Ban Tổng giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của CTCP Chứng khoán Phố Wall đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện, vì vậy, kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2016 của công ty là khá tốt.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị**

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, định hướng một số mảng hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 như sau:

- Công ty sẽ củng cố lại hoạt động môi giới thông qua việc quan tâm đầu tư cả về công nghệ, nhân sự, dịch vụ tài chính. Về cơ chế, chính sách môi giới, tiếp tục duy trì chiến lược ổn định và mở rộng thận trọng hoạt động môi giới bằng cơ chế hoa hồng hấp dẫn. Bên cạnh đó, tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động giao dịch, dịch vụ tài chính.
- Đối với hoạt động đầu tư: tư tưởng chủ đạo vẫn là thận trọng để bảo toàn vốn, chỉ tham gia đầu tư lớn khi có tín hiệu và nhìn thấy cơ hội rõ ràng.
- Tập trung phát triển mạnh mẽ mảng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Nâng cao nghiệp vụ, uy tín và sự chuyên nghiệp trong ngành để nhận được sự tin tưởng của Khách hàng; Cố gắng tận dụng khai thác cơ hội để tìm kiếm những hợp đồng tư vấn lớn với các Tập đoàn,

Tổng công ty, các Bộ ban ngành để hoạt động này mang lại doanh thu tốt và bền vững cho Công ty.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, theo dõi sát tình hình vĩ mô và biến động của nền kinh tế để một mặt hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng, mặt khác phục vụ đắc lực hoạt động đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro các mặt hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, tiếp tục đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ, cán bộ, nhân viên.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Chức vụ quản lý điều hành tại WSS
1	Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	11.300.000	
2	Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch thường trực	2.920.000	Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Thư	Thành viên	0	
4	Ngô Tiến Minh	Thành viên	1.300.000	
5	Phạm Đức Long	Thành viên	100	

#### 1.2. Các tiêu bản của Hội đồng quản trị: Không có

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường, để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ điều lệ của WSS, HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, hàng tháng họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

Định kỳ, HĐQT yêu cầu Ban Tổng giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét,

đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

Năm 2016, HĐQT của Công ty đã tổ chức 06 họp với sự tham gia 100% của tất cả thành viên, thông qua 07 Nghị quyết/Quyết định và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01.1/2016/NQ – HĐQT	01/03/2016	V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT
2	01.2/2016/NQ – HĐQT	11/03/2016	V/v bầu bổ sung thành viên HĐQT
3	01.3/2016/NQ – HĐQT	01/04/2016	V/v Thông qua kế hoạch, tài liệu tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2016
4	01.4/2016/NQ – HĐQT	23/04/2016	V/v Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2016
5	11/2016/NQ – HĐQT	15/07/2016	V/v Thông qua kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm 2016
6	13/2016/NQ – HĐQT	15/11/2016	V/v các khoản đầu tư của Công ty
7	01.1/2016/NQ – HĐQT	01/03/2016	V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT

#### **1.4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ hiện nay của Công ty gồm:

- Ông Phạm Đức Long
- Ông Ngô Tiên Minh
- Ông Nguyễn Văn Thư.

#### **1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

#### **1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có**

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Danh sách ban kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT		
STT	Tên	Chức vụ
1	Trần Đình Tùng	Trưởng ban
2	Trịnh Công Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2013)
3	Nguyễn Thị Thu Thơm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2013)

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế Toán và các văn bản pháp quy có liên quan; kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2016 của Công ty, cụ thể là:

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;

Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;

Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;

Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; Giám sát ban lãnh đạo công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;

Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

## 3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

### 3.1. Thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Đại hội cổ đông năm 2016 đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 1,2 tỷ đồng

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, và hàng năm đến các nhà đầu tư.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

#### **Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp

lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>460.568.857.808</b>	<b>455.424.636.995</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>448.661.050.051</b>	<b>443.361.759.296</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	67.335.932.739	43.866.887.805
111.1	1.1 Tiền		2.935.932.739	7.466.887.805
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		64.400.000.000	36.400.000.000
112	3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	11.582.310.058	83.185.745.490
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	274.000.000.000	190.500.000.000
114	3. Các khoản cho vay	5	14.185.002.807	42.984.984.569
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	77.780.308.432	88.780.308.432
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài	6	(5.600.748)	(7.018.826.015)
117	6. Các khoản phải thu	7	3.522.099.459	786.682.388
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		1.553.134.000	65.761.000
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.968.965.459	720.921.388
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.968.965.459	720.921.388
118	7. Trả trước cho người bán		66.901.538	386.997
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	231.752.982	264.094.762
122	9. Các khoản phải thu khác	7	22.342.784	61.494.868
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(60.000.000)	(50.000.000)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.907.807.757</b>	<b>12.062.877.699</b>
131	1. Tạm ứng		41.001.000	122.741.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	27.374.997	26.937.578
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	82.767.361
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	11.830.431.760	11.830.431.760
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		9.000.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>75.412.058.916</b>	<b>75.934.141.378</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>58.000.000.000</b>	<b>57.987.844.407</b>
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	7	44.000.000.000	44.000.000.000
212	2. Các khoản đầu tư	11	14.000.000.000	14.000.000.000
212.4	2.11 Đầu tư dài hạn khác		14.000.000.000	14.000.000.000
213	2.12 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		-	(12.155.593)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>981.860.073</b>	<b>1.425.444.034</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	671.336.446	1.385.582.922
222	- Nguyên giá		9.484.905.668	9.484.905.668
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.813.569.222)	(8.099.322.746)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	310.523.627	39.861.112
228	- Nguyên giá		2.719.799.300	2.350.299.300
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.409.275.673)	(2.310.438.188)
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.430.198.843</b>	<b>16.520.852.937</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		259.978.625	259.978.625
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	12.516.903.236	13.031.991.825
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	3.653.316.982	3.228.882.487
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>535.980.916.724</b>	<b>531.358.778.373</b>



# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.007.923.973</b>	<b>4.339.603.438</b>
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>4.007.923.973</b>	<b>4.249.603.438</b>
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	636.727.299	511.991.556
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	781.818.181	1.119.545.454
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	272.756.981	625.155.103
323	4. Phải trả người lao động		501.155.094	91.338.127
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		16.241.049	550.000
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	245.300.084	300.432.306
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	1.102.193.751	1.148.859.358
331	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		451.731.534	451.731.534
340	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		-	<b>90.000.000</b>
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		-	90.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>531.972.992.751</b>	<b>527.019.174.935</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>531.972.992.751</b>	<b>527.019.174.935</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		503.000.000.000	503.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		20.619.387.636	15.665.569.820
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		20.619.402.665	15.665.569.820
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(15.029)	-
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>535.980.916.724</b>	<b>531.358.778.373</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
005	1. Ngoại tệ các loại	21	838,66	878,23
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		50.300.000	50.300.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	24	14.313.250.000	90.948.720.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	25.662.080.000	27.662.080.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	777.894.600.000	1.193.318.090.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		745.921.340.000	978.112.310.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		27.084.760.000	75.729.880.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		-	130.272.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		4.888.500.000	9.203.900.000
024.b	1. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	27	1.613.570.000	1.706.240.000

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
026	1. Tiền gửi của khách hàng	28	15.882.590.321	13.619.072.446
027	1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		15.881.219.602	13.078.544.067
030	1.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.370.719	540.528.379
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29	15.881.219.602	13.078.544.067
031.1	2.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		15.728.238.781	12.986.445.124
031.2	2.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		152.980.821	92.098.943
032	3. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		10.080	540.000.000
035	4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30	1.360.639	528.379

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	4.626.713.510	11.099.331.450	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	4.609.001.960	1.807.049.150
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.b)	17.711.550	9.292.282.300
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.b)	19.271.610.255	12.106.914.191
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.b)	3.485.348.064	1.400.143.049
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.b)	3.754.261.756	3.291.930.000
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.034.499.344	7.072.269.622
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		236.730.643	-
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		408.075.436	522.058.422
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		2.345.721.818	4.858.640.765
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	32.c)	3.109.050	-
20	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>38.166.069.876</b>	<b>40.351.287.499</b>	
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.217.822.292	13.935.813.629
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	2.217.822.292	13.935.813.629
23	2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		23.977.500.000	391.315.821
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(7.013.225.267)	718.912.879
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh		525.461.576	177.496.203
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.463.482.300	7.579.722.406
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		3.250.000	-
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		357.684.378	106.879.434
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		1.414.959.249	635.711.132
40	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>25.946.934.528</b>	<b>23.545.851.504</b>	
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		323.182	651.326
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		356.210.951	264.300.740
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>356.534.133</b>	<b>264.952.066</b>	

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>34</b>		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		338.211	1.207.093
52	4.2 Chi phí lãi vay		181.225.408	80.272.553
54	4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		(12.155.593)	-
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>169.408.026</b>	<b>81.479.646</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>35</b>	<b>7.755.850.121</b>	<b>9.991.256.057</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>4.650.411.334</b>	<b>6.997.652.358</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác	36	340.015.000	360.000.000
72	8.2 Chi phí khác	37	36.608.518	379.919.796
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>303.406.482</b>	<b>(19.919.796)</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>4.953.817.816</b>	<b>6.977.732.562</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.953.832.845	6.977.732.562
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(15.029)	-
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>38</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>4.953.817.816</b>	<b>6.977.732.562</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	39	98	139

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

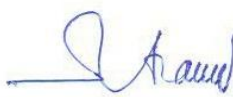
Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(632.376.873.700)	(511.865.269.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		608.406.615.800	450.094.589.675
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		(227.294.440)	(543.009.391)
04	4. Cổ tức đã nhận		3.771.973.306	12.584.212.300
05	5. Tiền lãi đã thu		21.508.914.248	13.049.811.960
06	6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của công ty chứng khoán		(181.225.408)	(80.272.553)
07	7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho công ty chứng khoán		(7.743.348.338)	(7.728.031.981)
08	8. Tiền chi trả cho người lao động		(4.966.443.405)	(6.566.087.909)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(1.816.900.266)	(2.394.362.023)
11	11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		673.709.052.887	496.994.242.852
12	12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(636.245.925.750)	(404.255.955.644)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>23.838.544.934</b>	<b>39.289.868.286</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(369.500.000)	(44.000.000.000)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(369.500.000)</b>	<b>(44.000.000.000)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay gốc		50.806.620.728	53.979.095.286
33	3.2 Tiền vay khác		50.806.620.728	53.979.095.286
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(50.806.620.728)	(53.979.095.286)
34	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(50.806.620.728)	(53.979.095.286)
<b>50</b>	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>23.469.044.934</b>	<b>(4.710.131.714)</b>
<b>60</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>43.866.887.805</b>	<b>48.577.019.519</b>
61	Tiền		7.467.443.572	9.258.116.603
62	Các khoản tương đương tiền		36.400.000.000	39.300.000.000
63	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(555.767)	18.902.916
<b>70</b>	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>67.335.932.739</b>	<b>43.866.887.805</b>
71	Tiền		62.933.947.768	8.007.971.951
72	Các khoản tương đương tiền		64.400.000.000	36.400.000.000
73	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(15.029)	(555.767)



**Vũ Thị Yến**  
Người lập



**Nguyễn Thị Trang**  
Kế toán trưởng



**Phạm Diễm Hoa**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

## 1 . THÔNG TIN CHUNG

### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở của Công ty tại: Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 27/04/2013 và sửa đổi, bổ sung ngày 23/04/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 503.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 30 tháng 01 năm 2008 với mã giao dịch là WSS.

### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334 khi so sánh với số liệu năm nay.

---

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

a) *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) *Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.



c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

**2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị   | 03 - 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm      |
| - Thiết bị văn phòng  | 03 - 06 năm |
| - Phần mềm quản lý    | 03 - 05 năm |

**2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

**2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

## 2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

## 2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

## 2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.13 . Doanh thu, thu nhập

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

## 2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

## 2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

### *Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác;

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;

## 2.16 . Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Các khoản thuế khác được xác định theo quy định hiện hành.

## 2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>13.392.683</b>	<b>166.548.362.500</b>
- Cổ phiếu	13.392.683	166.548.362.500
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>194.885.837</b>	<b>2.170.613.403.100</b>
- Cổ phiếu	194.885.837	2.170.613.403.100
	<b>208.278.520</b>	<b>2.337.161.765.600</b>

## 4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	334.925.150	82.811.768
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	2.601.007.589	7.384.076.037
Các khoản tương đương tiền	64.400.000.000	36.400.000.000
	<b>67.335.932.739</b>	<b>43.866.887.805</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	11.581.650.058	12.392.597.370	77.164.085.490	70.788.012.475
Cổ phiếu Upcom	147.000	145.000	6.021.147.000	5.378.907.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	513.000	59.400	513.000	-
	<b>11.582.310.058</b>	<b>12.392.801.770</b>	<b>83.185.745.490</b>	<b>76.166.919.475</b>

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định căn cứ giá trị thị trường tại 31/12/2016.

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	77.780.308.432	77.780.308.432	88.780.308.432	88.780.308.432
	<b>77.780.308.432</b>	<b>77.780.308.432</b>	<b>88.780.308.432</b>	<b>88.780.308.432</b>

**c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	274.000.000.000	190.500.000.000
	<b>274.000.000.000</b>	<b>190.500.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất 6,4%/năm.

**d) Các khoản cho vay**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động margin	13.741.437.041	36.565.450.463
Hoạt động ứng trước tiền bán	443.565.766	6.419.534.106
	<b>14.185.002.807</b>	<b>42.984.984.569</b>

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Giá sổ sách	Giá thị trường	Giá trị dự phòng		
		VND	VND	VND		
<b>FVTPL</b>		<b>11.582.310.058</b>	<b>12.392.801.770</b>	<b>(5.600.748)</b>	<b>(7.018.826.015)</b>	<b>7.013.225.267</b>
Cổ phiếu niêm yết		11.581.650.058	12.392.597.370	(5.145.148)	(6.376.073.015)	6.370.927.867
- DIC	9	85.411	47.160	(38.251)	(25.145)	(13.106)
- HAI	8	88.152	26.960	(61.192)	(174.605.725)	174.544.533
- HT1	8	181.622	164.000	(17.622)	-	(17.622)
- ITC	5	160.000	52.250	(107.750)	(354.000)	246.250
- PIT	6	68.000	47.400	(20.600)	(23.600)	3.000
- PVD	2	43.463	41.400	(2.063)	-	(2.063)
- REE	4	94.340	98.600	-	(20.389)	20.389
- SFC	2	93.000	56.000	(37.000)	(45.800)	8.800
- TCM	2	35.800	29.000	(6.800)	-	(6.800)
- TCR	6	52.800	26.100	(26.700)	(17.400)	(9.300)
- TNA	3	60.300	172.500	-	-	-
- VTH	1.500	21.027.170	16.200.000	(4.827.170)	-	(4.827.170)
- SAM	1.359.960	11.559.660.000	12.375.636.000	-	(6.136.610.058)	6.136.610.058
- SJS	-	-	-	-	(64.370.898)	64.370.898
Cổ phiếu Upcom		147.000	145.000	(2.000)	(642.240.000)	642.238.000
- HBD	10	147.000	145.000	(2.000)	-	(2.000)
- PHH	-	-	-	-	(642.240.000)	642.240.000
Cổ phiếu hủy niêm yết		513.000	59.400	(453.600)	(513.000)	59.400
- CIC	33	513.000	59.400	(453.600)	(513.000)	59.400

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Giá sổ sách	Giá thị trường	Giá trị dự phòng		
		VND	VND	VND		
<b>AFS</b>		<b>77.780.308.432</b>	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		77.780.308.432	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Điện máy	100.000	3.000.000.000	-	-	-	-
- Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần	926.980	25.569.800.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm Vạc	39.195	9.210.508.432	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	500.000	15.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	1.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-
	<b>3.927.733</b>	<b>89.362.618.490</b>	<b>12.392.801.770</b>	<b>(5.600.748)</b>	<b>(7.018.826.015)</b>	<b>7.013.225.267</b>

Ghi chú:

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết thuộc tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

## 6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	5.600.748	7.018.826.015
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>5.600.748</b>	<b>7.018.826.015</b>

## 7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

### a) Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	1.553.134.000	65.761.000
Các khoản phải thu và dự thu tiền lãi các khoản đầu tư	1.044.303.889	720.921.388
Phải thu lãi hoạt động Margin	923.774.484	-
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	887.086	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	231.752.982	264.094.762
- <i>Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>6.451.209</i>	<i>20.963.015</i>
- <i>Phải thu hoạt động tư vấn</i>	<i>106.750.000</i>	<i>157.566.150</i>
- <i>Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán</i>	<i>118.551.773</i>	<i>85.565.597</i>
Phải thu khác	22.342.784	61.494.868
	<b>3.776.195.225</b>	<b>1.112.272.018</b>

### b) Các khoản phải thu dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước cho người bán dài hạn (*)	44.000.000.000	44.000.000.000
	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall để đầu tư Trung tâm Thương mại, Văn phòng và Căn hộ ở tại 52 Ngọc Lâm - Quận Long Biên, Hà Nội. Trung tâm này sẽ được sử dụng cho hoạt động Văn phòng và kinh doanh chứng khoán của Công ty với thời hạn bàn giao nhà là 36 tháng kể từ ngày 28/12/2015.

## 8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tại ngày 01/01	50.000.000	35.000.000
Trích lập	10.000.000	15.000.000
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>60.000.000</b>	<b>50.000.000</b>

## 9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

### a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	27.374.997	7.604.248
Chi phí đồng phục chờ phân bổ	-	19.333.330
	<b>27.374.997</b>	<b>26.937.578</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	12.397.860.952	12.876.766.185
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.042.284	155.225.640
	<b>12.516.903.236</b>	<b>13.031.991.825</b>

(\*) Chi phí thuê 720 m2 tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043.

Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	<b>11.830.431.760</b>	<b>11.830.431.760</b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	14.000.000.000	14.000.000.000
	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	Số 85 Mã Mây, Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	14,00%	14,00%	Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản



## 12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2016	2.780.606.468	4.706.921.952	1.997.377.248	9.484.905.668
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.780.606.468</b>	<b>4.706.921.952</b>	<b>1.997.377.248</b>	<b>9.484.905.668</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2016	2.751.283.488	3.350.662.010	1.997.377.248	8.099.322.746
Khấu hao trong năm	29.322.980	684.923.496	-	714.246.476
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.780.606.468</b>	<b>4.035.585.506</b>	<b>1.997.377.248</b>	<b>8.813.569.222</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	29.322.980	1.356.259.942	-	1.385.582.922
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>-</b>	<b>671.336.446</b>	<b>-</b>	<b>671.336.446</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.777.983.716 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán có tổng nguyên giá là 2.719.799.300 đồng (trong đó nguyên giá mới tăng trong năm là 369.500.000 đồng), và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2016 là 2.409.275.673 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 98.837.485 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	1.863.956.667	1.863.956.667
Tiền nộp bổ sung	831.718.132	604.423.692
Tiền lãi phân bổ trong năm	957.642.183	760.502.128
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.653.316.982</b>	<b>3.228.882.487</b>

## 15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 (ICON4)	527.841.138	384.979.525
Phải trả các đối tượng khác	108.886.161	127.012.031
	<b>636.727.299</b>	<b>511.991.556</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng công ty Máy và thiết bị công nghiệp (MIE)	318.181.818	318.181.818
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc Tế	-	263.636.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	150.000.000	-
Các đối tượng khác	313.636.363	537.727.272
	<b>781.818.181</b>	<b>1.119.545.454</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	14.165.043	-
Thuế Thu nhập cá nhân	258.591.938	625.155.103
	<b>272.756.981</b>	<b>625.155.103</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước phí dịch vụ tòa nhà ICON 4 và các khoản dịch vụ khác phải nhà cung cấp chưa nhận được hóa đơn	141.832.241	30.000.000
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	103.467.843	270.432.306
	<b>245.300.084</b>	<b>300.432.306</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư	1.098.600.796	1.098.600.796
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.592.955	50.258.562
	<b>1.102.193.751</b>	<b>1.148.859.358</b>

**20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Ông Nguyễn Đình Tú	22,47%	113.000.000.000	22,47%	113.000.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	5,81%	29.200.000.000	5,81%	29.200.000.000
Bà Vũ Thị Yến	4,99%	25.101.170.000	4,90%	24.660.170.000
Các cổ đông khác	66,73%	335.698.830.000	66,82%	336.139.830.000
	<b>100%</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>503.000.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	20.619.402.665	15.665.569.820
Lợi nhuận chưa thực hiện	(15.029)	-
	<b>20.619.387.636</b>	<b>15.665.569.820</b>

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	15.665.569.820	8.687.837.258
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm	(15.029)	-
Lãi đã thực hiện năm nay	4.953.832.845	6.977.732.562
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12	20.619.387.636	15.665.569.820
<b>Lợi nhuận chưa phân phối tính đến 31/12</b>	<b>20.619.387.636</b>	<b>15.665.569.820</b>
<b>21 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	753,27	85,36
- EURO	85,39	792,87
<b>22 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	14.313.250.000	90.948.720.000
	<b>14.313.250.000</b>	<b>90.948.720.000</b>
<b>23 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	25.662.080.000	27.662.080.000
	<b>25.662.080.000</b>	<b>27.662.080.000</b>
<b>24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	13.615.250.000	90.843.020.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	698.000.000	105.700.000
	<b>14.313.250.000</b>	<b>90.948.720.000</b>
<b>25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	25.662.080.000	27.662.080.000
	<b>25.662.080.000</b>	<b>27.662.080.000</b>
<b>26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	745.921.340.000	978.112.310.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	27.084.760.000	75.729.880.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	130.272.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.888.500.000	9.203.900.000
	<b>777.894.600.000</b>	<b>1.193.318.090.000</b>

<b>27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	1.613.570.000	1.706.240.000
	<b>1.613.570.000</b>	<b>1.706.240.000</b>
<b>28 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>15.881.219.602</b>	<b>13.078.544.067</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	15.728.238.781	12.986.062.728
2. Nhà đầu tư nước ngoài	152.980.821	92.481.339
<b>Tiền gửi của tổ chức phát hành</b>	<b>1.370.719</b>	<b>540.528.379</b>
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	10.080	540.000.000
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.360.639	528.379
	<b>15.882.590.321</b>	<b>13.619.072.446</b>
<b>29 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	15.881.219.602	13.078.544.067
1.1. Nhà đầu tư trong nước	15.728.238.781	12.986.445.124
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	152.980.821	92.098.943
	<b>15.881.219.602</b>	<b>13.078.544.067</b>
<b>30 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.360.639	528.379
	<b>1.360.639</b>	<b>528.379</b>
<b>31 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	13.741.437.041	36.565.450.463
1.1 Phải trả gốc margin	13.741.437.041	36.565.450.463
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>13.741.437.041</i>	<i>36.565.450.463</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	443.565.766	6.419.534.106
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	443.565.766	6.419.534.106
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>443.565.766</i>	<i>6.419.534.106</i>
	<b>14.185.002.807</b>	<b>42.984.984.569</b>

32 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Sàn Hà Nội	209.900	120.271.488.800	117.881.967.754	4.609.001.960	2.217.822.292	1.807.049.150	13.935.813.629
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	9.517.230	3.033.200.000	3.044.482.830	81.810.455	93.093.285	538.564.314	-
- Sàn Upcom	830.600	111.014.848.800	108.367.644.924	4.524.223.886	1.875.361.388	1.268.484.836	13.935.813.629
	830.600	6.223.440.000	6.469.840.000	2.967.619	249.367.619	-	-
	<b>10.557.730</b>	<b>120.271.488.800</b>	<b>117.881.967.754</b>	<b>4.609.001.960</b>	<b>2.217.822.292</b>	<b>1.807.049.150</b>	<b>13.935.813.629</b>

b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	17.711.550	9.292.282.300
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	19.271.610.255	12.106.914.191
Từ các khoản cho vay	3.485.348.064	1.400.143.049
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.754.261.756	3.291.930.000
	<b>26.528.931.625</b>	<b>26.091.269.540</b>

33 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	323.182	651.326
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	356.210.951	264.300.740
	<b>356.534.133</b>	<b>264.952.066</b>

34 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	338.211	1.207.093
Chi phí lãi vay	181.225.408	80.272.553
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(12.155.593)	-
	<b>169.408.026</b>	<b>81.479.646</b>

35 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.955.879.955	3.520.410.471
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	225.893.415	269.035.805
Chi phí vật tư văn phòng	9.983.546	16.378.362
Chi phí công cụ, dụng cụ	543.482.121	891.601.739
Chi phí khấu hao tài sản cố định	784.182.448	804.433.486
Chi phí thuế, phí và lệ phí	393.077.022	412.396.178
Chi phí dự phòng	-	15.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.519.643.175	3.297.750.645
Chi phí khác	323.708.439	764.249.371
	<b>7.755.850.121</b>	<b>9.991.256.057</b>

**36 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	240.000.000	360.000.000
Tiền thưởng thu được	50.000.000	-
Xử lý công nợ không phải trả	50.015.000	-
	<b>340.015.000</b>	<b>360.000.000</b>

**37 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí cho thuê văn phòng	29.946.528	44.919.796
Các khoản bị phạt	1.477.400	225.000.000
Chi ủng hộ	-	110.000.000
Xử lý công nợ không thu hồi được	5.184.590	-
	<b>36.608.518</b>	<b>379.919.796</b>

**38 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.953.817.816	6.977.732.562
Các khoản điều chỉnh tăng	760.740.138	943.025.857
- Chi phí khấu hao xe ô tô Mercedes Ben S500 trên 1,6 tỷ	507.114.857	507.114.857
- Chi phí cố hóa đơn không hợp lý, hợp lệ	-	20.911.000
- Ủng hộ Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam	-	10.000.000
- Chi phí phạt hành chính	1.477.400	225.000.000
- Thu nhập HĐQT không trực tiếp điều hành	246.625.080	180.000.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	338.211	-
- Xử lý công nợ không thu hồi được	5.184.590	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.104.079.082)	(13.252.541.013)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.771.973.306)	(12.536.712.300)
- Chuyển lỗ các năm trước	(5.331.782.594)	(715.828.713)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(323.182)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(3.389.521.128)	(5.331.782.594)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(11.830.431.760)</b>	<b>(11.830.431.760)</b>

### 39 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.953.817.816	6.977.732.562
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.953.817.816	6.977.732.562
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.300.000	50.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>98</b>	<b>139</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### 40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	4.442.574.780	27.652.585.521	6.070.909.575	38.166.069.876
Chi phí hoạt động	4.821.166.678	19.707.558.601	1.418.209.249	25.946.934.528
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	356.534.133
Chi phí không phân bổ	-	-	-	7.925.258.147
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(378.591.898)</b>	<b>7.945.026.920</b>	<b>4.652.700.326</b>	<b>4.650.411.334</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.653.316.982	90.910.151.742	304.325.721.248	398.889.189.972
Tài sản không phân bổ	-	-	-	137.091.726.752
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.653.316.982</b>	<b>90.910.151.742</b>	<b>304.325.721.248</b>	<b>535.980.916.724</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.007.923.973
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.007.923.973</b>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	977.644.924	1.440.650.123

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính để so sánh được với số liệu năm nay.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2016

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Diễm Hoa**

